

Bản án số: 431/2024/DS-ST

Ngày: 09-7-2024

V/v: tranh chấp hợp đồng

tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Quang Cảnh
- Ông Lê Ngọc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Vân, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số 560/2023/DSST ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 513/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở: I P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng số 401, Tầng 4, Tòa nhà số 793/49/1 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Vũ Minh T – sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: 2 L, Phường P, Quận T, Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) có bà Nguyễn Phước Q Giao là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 16/07/2021, công ty T1 (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là công ty T1) ký Hợp đồng tín dụng số: 2876723 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Vũ Minh T với khoản vay trị giá 26.650.000 đồng. Sau khi ký kết, công

ty T1 đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho vào tài khoản cá nhân cho ông T. Theo hợp đồng tín dụng, ông T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 1.700.482 đồng, trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 15/03/2022 đến ngày 15/02/2024.

Sau khi được giải ngân, ông T đã thanh toán được 6 kỳ, với số tiền là 10.306.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 27/8/2022 ông T đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía công ty T1 đã giải ngân.

Công ty T1 đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, công ty T1 cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho ông T biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía công ty T1.

Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc ông T thanh toán cho công ty toàn bộ dư nợ gốc còn lại, nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 09/7/2024 là: 47.042.879 đồng, (trong đó nợ gốc 22.002.601 đồng; lãi quá hạn: 8.682.918 đồng; lãi quá hạn: 15.214.302 đồng; lãi chậm trả: 1.143.058 đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 2876723 ngày 12/02/2022. Ông T còn phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi thi hành án xong

Bị đơn ông Vũ Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo qui định nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Phước Q Giao có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Vũ Minh T vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2023 của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ kết quả xác minh của công an phường P, quận T thì ông Vũ Minh T có địa chỉ thường trú tại phường P, quận T nhưng đã bán nhà từ tháng 06/2023, đi đâu không rõ. Do ông T có nơi cư trú cuối cùng tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn do bà Nguyễn Phước Q Giao là người đại diện theo ủy quyền, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Vũ Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

Bị đơn ông Vũ Minh T không có mặt tại Tòa án để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu, chứng cứ, tài liệu của nguyên đơn nộp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét giải quyết.

[3.1] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng:

Xét, Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2876723 ngày 12/02/2022 giữa công ty T1 và ông Vũ Minh T; lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: hai bên có xác lập hợp đồng theo mẫu chung do nguyên đơn dự thảo, theo quy định tại Điều 405 Bộ luật Dân sự 2015, việc hai bên ký hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đồng thời bị đơn ông T đã thực hiện thanh toán một số kỳ của hợp đồng (theo bảng báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng ngày 25/8/2023 do nguyên đơn cung cấp) nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung bản hợp đồng này được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận phù hợp và không trái quy định pháp luật, có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385; Điều 398; Điều 405; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Trong vụ án này, bị đơn ông Vũ Minh T không có yêu cầu phản tố.

[3.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo đơn khởi kiện; Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2876723 ngày 12/02/2022; bảng báo cáo lịch sử thanh toán hợp

đồng tín dụng ngày 25/8/2023 do nguyên đơn lập, xác định sau khi ký hợp đồng tín dụng nguyên đơn đã giải ngân số tiền 25.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông **T** (theo phiếu báo nợ số giao dịch FFT22045175186747 ngày 14/02/2022 của **ngân hàng TMCP K** do phía nguyên đơn cung cấp). Nội dung thỏa thuận trong hợp đồng: Thời hạn cho vay kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 15/02/2024, ngày thanh toán ngày 15 hàng tháng, ngày thanh toán đầu tiên ngày 15/3/2022, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 3.75%/tháng, lãi suất theo năm 45%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông **T** vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận từ ngày 27/8/2022 nên nguyên đơn yêu cầu ông **T** thanh toán nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/7/2024 là 47.042.879 đồng, (trong đó nợ gốc 22.002.601 đồng; lãi quá hạn: 8.682.918 đồng; lãi quá hạn: 15.214.302 đồng; lãi chậm trả: 1.143.058 đồng) có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông **T** mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ cho nguyên đơn. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông **T** thanh toán số nợ trên là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc **Ngân hàng N** về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 10/7/2024 theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp nên chấp nhận.

[3.4]. Về thời hạn thanh toán: Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông **Vũ Minh T** có nghĩa vụ thanh toán cho **công ty T1** (Việt Nam) số tiền tính đến ngày 09/7/2024 là 47.042.879 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng kể từ 10/7/2024 cho đến khi thanh toán xong số nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông **Vũ Minh T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.352.144 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí 843.870 đồng cho **công ty T1** (Việt Nam).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179; Điều 227; Điều 228; các Điều 264, 266, 267, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 405; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc **Ngân hàng N** về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện **công ty T1 (Việt Nam).**

- Ông **Vũ Minh T** có trách nhiệm thanh toán cho **công ty T1** (Việt Nam) số tiền 47.042.879 đồng, (trong đó nợ gốc 22.002.601 đồng; lãi quá hạn: 8.682.918 đồng; lãi quá hạn: 15.214.302 đồng; lãi chậm trả: 1.143.058 đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2876723 ngày 12/02/2022

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông **Vũ Minh T** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2876723 ngày 12/02/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Vũ Minh T** phải nộp số tiền án phí là 2.352.144 đồng

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí 843.870 đồng cho **công ty T1** (Việt Nam) theo biên lai thu số 0000112 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Vân).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hương Giang